

Số: /KH-UBND

Tây Ninh, ngày tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2025

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ về quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 để làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2025 và giai đoạn 2022-2025.

2. Yêu cầu

Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia của các cấp hội, đoàn thể và của người dân; phải được thực hiện đúng quy trình, đúng tiến độ về thời gian; đảm bảo tính chính xác theo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ.

Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đời sống của Nhân dân; tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu, thành tích, phản ánh sai lệch thực tế về tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc thoát nghèo.

II. TIÊU CHÍ, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp

1.1. Chuẩn hộ nghèo đa chiều (chuẩn Trung ương)

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.¹

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

1.2. Chuẩn hộ cận nghèo đa chiều (chuẩn Trung ương)

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

1.3. Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

1.4. Người lao động có thu nhập thấp

- Khu vực nông thôn: Có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.250.000 đồng trở xuống.

¹ Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản gồm 6 tiêu chí/chiều và 12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản: (1) Việc làm: Việc làm, Người phụ thuộc trong hộ gia đình; (2) Y tế: Dinh dưỡng; Bảo hiểm y tế; (3) Giáo dục: Trình độ giáo dục của người lớn; Tình trạng đi học của trẻ em; (4) Nhà ở: Chất lượng nhà ở; Diện tích nhà ở bình quân đầu người; (5) Nước sinh hoạt và vệ sinh: Nguồn nước sinh hoạt; Nhà tiêu hợp vệ sinh; (6) Thông tin: sử dụng dịch vụ viễn thông; Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

- Khu vực thành thị: Có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 3.000.000 đồng trở xuống.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi: Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b) Đối tượng áp dụng:

- Hộ gia đình trên phạm vi tỉnh Tây Ninh.
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

III. THỜI GIAN RÀ SOÁT, PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT, QUY TRÌNH RÀ SOÁT

1. Công tác chuẩn bị và thời gian rà soát, xác định

1.1. Công tác chuẩn bị

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2025; tổ chức triển khai tập huấn.

- UBND các xã, phường xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp; phương án rà soát, bố trí kinh phí, tổ chức lực lượng tham gia rà soát; tổ chức tập huấn quy trình, nghiệp vụ rà soát.

1.2. Thời gian rà soát, xác định:

a) Thời gian rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm như sau:

- Định kỳ mỗi năm 01 lần: Thực hiện từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.

- Thường xuyên hàng năm: Mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hàng tháng.

b) Thời gian xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp thực hiện từ ngày 15 hàng tháng.

2. Phương pháp rà soát

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

b) Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

c) Kết hợp các phương pháp như: Có giấy đề nghị của hộ gia đình, nhận dạng và phân loại nhanh, ước lượng thu nhập, phương pháp chuyên gia, phương pháp đánh giá có sự tham gia của người dân. Phòng văn trực tiếp, rà soát viên phải đến từng hộ gia đình để hỏi và ghi phiếu, không sử dụng tài liệu có sẵn hoặc thu thập thông tin qua người khác.

3. Quy trình rà soát

3.1. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều định kỳ hàng năm

Bước 1: Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với ấp, khu phố và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

a) Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

b) Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với ấp, khu phố, rà soát viên lập danh sách và sử dụng Phiếu A theo Phụ lục II (theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH) và Phụ lục IV (theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH) để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát.

Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều

a) Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III - Phiếu B rà soát thông tin hộ gia đình và Phụ lục IV - Hướng dẫn sử dụng Phiếu A, Phiếu B ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (điểm Phiếu **B1**): Ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng; ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (điểm Phiếu **B2**): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

Phân loại hộ gia đình	Điểm số theo kết quả rà soát:	
	- Điểm B1: mức thu nhập bình quân đầu người - Điểm B2: mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản	
	Khu vực nông thôn	Khu vực thành thị
Hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP (chuẩn Trung ương)		
Hộ nghèo	Điểm B1 $\leq$ 140 điểm và điểm B2 $\geq$ 30 điểm	Điểm B1 $\leq$ 175 điểm và điểm B2 $\geq$ 30 điểm

Hộ cận nghèo	Điểm B1 $\leq$ 140 điểm và điểm B2 $<$ 30 điểm	Điểm B1 $\leq$ 175 điểm và điểm B2 $<$ 30 điểm
--------------	---	---

c) Lập danh sách hộ gia đình sau khi phân loại

Rà soát viên lập danh sách và cộng điểm B1 và điểm B2 của các hộ để tiến hành họp dân.

Bước 3: Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát

a) Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng ấp, khu phố (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ ấp, khu phố, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

b) Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định tại Bước 2, điểm a và b Bước 3.

c) Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở ấp, khu phố, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

Bước 4: Niêm yết, thông báo công khai

a) Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng và trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

b) Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng và trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

c) Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

Bước 5: Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch UBND cấp tỉnh

a) Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND cấp tỉnh, đồng gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều trên địa bàn, đề chủ động báo cáo, đề xuất UBND tỉnh ngay khi nhận được đề nghị của cấp xã.

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có ý kiến trả lời bằng văn bản.

Bước 6: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo đa chiều.

Chủ tịch UBND cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều và danh sách hộ thoát

nghèo, hộ thoát cận nghèo đa chiều trên địa bàn theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 phụ lục kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

Bước 7: Báo cáo kết quả

- Báo cáo sơ bộ:

- + Cấp xã: Trước ngày 05/11/2025.
- + Cấp tỉnh: Trước ngày 15/11/2025.

- Báo cáo chính thức:

- + Cấp xã: Trước ngày 01/12/2025.
- + Cấp tỉnh: Trước ngày 20/12/2025.

*** Tổ chức thu thập dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.**

*** Các phụ lục kèm theo (theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH).**

- Phụ lục I: Danh sách hộ gia đình cần rà soát.
- Mẫu số 1: Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg).
- Phụ lục II: Phiếu A (nhận dạng nhanh hộ gia đình - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH).
- Phụ lục III: Phiếu B1 (rà soát thông tin hộ gia đình - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH).
- Danh sách hộ gia đình sau khi rà soát phiếu B1.
- Phụ lục V: Biên bản họp dân (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH).
- Phụ lục VI: Danh sách hộ gia đình sau khi họp dân và niêm yết công khai, bao gồm 02 danh sách (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH)
 - + Mẫu số 6.1. Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo sau khi rà soát
 - + Mẫu số 6.2. Danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo sau khi rà soát
- Phụ lục VII: Hệ thống mẫu, biểu tổng hợp, bao gồm 11 biểu:
 - + Mẫu số 7.1. Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (sơ bộ; chính thức) (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH)
 - + Mẫu số 7.2. Tổng hợp diễn biến hộ nghèo trong năm (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH)
 - + Mẫu số 7.3. Tổng hợp diễn biến hộ cận nghèo trong năm (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH)
 - + Mẫu số 7.4. Phân tích các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH)
 - + Mẫu số 7.5. Phân tích tỷ lệ các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH)

+ Mẫu số 7.6. Phân tích các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH)

+ Mẫu số 7.7. Phân tích tỷ lệ các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH)

+ Mẫu số 7.8. Phân tích hộ nghèo theo các nhóm đối tượng (Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH)

+ Mẫu số 7.9. Phân tích hộ nghèo theo các nhóm dân tộc (Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH)

+ Mẫu số 7.10. Phân tích hộ nghèo theo các nguyên nhân nghèo (Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH)

+ Mẫu số 7.11. Tổng hợp chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH)

- Mẫu thu thập dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3.2. Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình

Việc xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện theo Phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

- Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú làm trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch UBND cấp xã.

- Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức rà soát, xác định thu nhập của hộ gia đình; niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở xã trong thời gian 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (nếu có khiếu nại) và quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện rà soát.

- Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch UBND cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cơ quan thực hiện: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã.

- Thời gian thực hiện: hàng tháng.

3.3. Người lao động có thu nhập thấp: Tổ chức rà soát, xác định người lao động có thu nhập thấp áp dụng theo quy trình xác định hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022–2025; giấy đề nghị xác định người lao động có thu nhập thấp áp dụng theo Mẫu số 01, quyết định công nhận danh sách người lao động có thu nhập thấp tại địa bàn theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Từ nguồn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp trung ương) giao thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 79 của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo rà soát cấp tỉnh, chủ trì triển khai tập huấn, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch này.

- Thống nhất mẫu biểu thực hiện rà soát trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn và tổ chức kiểm tra quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh có ý kiến về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều trên địa bàn

- Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, công bố tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đúng theo mẫu hướng dẫn.

2. Sở Tài chính: Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách.

3. Thống kê tỉnh Tây Ninh

- Phối hợp, cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường các thông tin, số liệu liên quan đến cuộc rà soát để làm cơ sở tính tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu sau rà soát (*mã vùng địa phương, số liệu về dân số: số hộ, số khẩu*).

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các ngành liên quan trong quá trình triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát hoạt động rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Y tế: Phối hợp với UBND các xã, phường nắm thông tin số lượng người hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình để có thể hỗ trợ về y tế theo các quy định của pháp luật.

5. Các sở, ngành có liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp chỉ đạo việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025 theo quy định.

6. Báo và phát thanh, truyền hình Tây Ninh: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò trách

nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và của người dân về tầm quan trọng, mục đích ý nghĩa của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị xã hội cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

8. UBND các xã, phường

- Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo;
- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn;
- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp.
- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn rà soát viên, những người trực tiếp tham gia rà soát, bảo đảm công khai, dân chủ, có sự tham gia của các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân; chống bệnh thành tích, quan liêu, không phản ánh đúng thực trạng nghèo của địa phương, cơ sở.
- Tổng hợp, phân loại và lập danh sách chi tiết các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và các biểu mẫu theo quy định báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; tổ chức thu thập dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đúng theo mẫu hướng dẫn.
- Tổ chức phúc tra trước khi phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) theo quy định; chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả rà soát xác định hộ nghèo đối với các xã, phường trên địa bàn.
- Khi có ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và tổ chức việc cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.
- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn.
- Tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đúng theo mẫu hướng dẫn.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2025. Trong quá

trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo rà soát cấp tỉnh*) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- CVP, các PCVP. UBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tây Ninh;
- UBND các xã, phường;
- Phòng VHXX;
- Lưu VT, Cam.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Thanh